

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DSST  
Ngày 27/4/2018  
V/v kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn K

*Các Hội thẩm nhân dân* 1. Ông: Nguyễn Văn Đ – Cán bộ nghỉ hưu

2. Bà: Trần Thị Minh H – Giáo viên nghỉ hưu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị H – Thư ký TAND huyện Đô Lương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Trọng D - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2017 /TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đại L, bà Phạm Thị T

Địa chỉ: Xóm Thị Tứ, xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương.

Bà Phạm Thị T ủy quyền cho ông Nguyễn Đại L tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 23/11/2017. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Cảnh Đ, bà Trần Thị L. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm Liên Giang, xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương

-. Người làm chứng:

+. Chị: Lê Thị T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm Thị Tứ, xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An;

+. Chị: Nguyễn Thị H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Xóm Thị Tứ, xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An;

+. Chị: Đào Thị L, sinh năm 1969

Địa chỉ: Xóm Thị Tứ, xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An;

+. Chị: Nguyễn Thị T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Xóm Thị Tứ, xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An;

+. Chị: Nguyễn Thị H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Xóm Thị Tứ, xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An;

( Người làm chứng đều vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 05/11/2017, tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện ủy quyền của nguyên đơn (Bà Phạm Thị T) - ông Nguyễn Đại L trình bày:

Ngày 22/2/2014 (AL) vợ chồng ông Nguyễn Đại L, bà Phạm Thị T có cho vợ chồng ông Nguyễn Cảnh Đ, bà Trần Thị L vay số tiền 40.000.000 đồng để mua xe ô tô, thời hạn vay 02 tháng. Đến 10/9/2014 mới trả được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng và nợ thêm 10.000.000 đồng tiền phường. Tổng số tiền gốc vợ chồng ông Nguyễn Cảnh Đ, bà Trần Thị L còn nợ vợ chồng ông Nguyễn Đại L, bà Phạm Thị T là 40.000.000 đồng. Ông L, bà T đã trực tiếp yêu cầu và đề nghị Công an xã Giang Sơn Đông nhiều lần triệu tập để giải quyết sự việc nhưng ông Đ, bà L đều cố tình trốn tránh không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trong các buổi làm việc với công an xã Giang Sơn Đông và Công an huyện Đô Lương bà Trần Thị L đều công nhận có nợ vợ chồng ông L, bà T số tiền đã vay và tiền phường như vợ chồng ông L, bà T yêu cầu và có cam kết sẽ trả đầy đủ nhưng ông Nguyễn Cảnh Đ, bà Trần Thị L vẫn cố tình dây dưa, không chịu trả nợ. Số tiền nợ phường 10.000.000 đồng là khoản nợ riêng của vợ chồng ông Nguyễn Cảnh Đ, bà Trần Thị L đối với vợ chồng ông L, bà T, không liên quan đến cá nhân nào khác. Bởi vì ngày 19/12/2014 vợ chồng ông Nguyễn Đại L – Phạm Thị T có đứng làm chủ phường cùng với 21 người nữa đều là người trong xã để hỗ trợ nhau phát triển kinh tế. Mỗi suất phường đóng 2.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian kết thúc phường là ngày 19 tháng 11 năm 2016. Quá trình làm chủ phường từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc, vợ chồng ông L, bà T có trách nhiệm đứng ra thu và trả đầy đủ tiền cho những người tham gia theo đúng thỏa thuận, ngoại trừ vợ chồng ông Nguyễn Cảnh Đ, bà Trần Thị L còn nợ riêng cá nhân vợ chồng ông L bà T 05 tháng tiền đóng phường với số tiền là 10.000.000 đồng. Bởi vì sau bốc được phường, theo quy định ông Nguyễn Cảnh Đ, bà Trần Thị L còn phải đóng thêm phường trong 05 tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng ông Đ, bà L không đóng nên vợ chồng ông L, bà T – với tư cách chủ phường phải bỏ tiền ra thanh toán cho những người bốc phường sau. Nay ông L, bà T đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Cảnh Đ bà Trần Thị L phải trả cho vợ chồng ông L, bà T tổng số tiền gốc còn nợ là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) (Trong đó tiền vay là 30.000.000 đồng, tiền nợ phường 10.000.000 đồng); Không yêu cầu lãi suất.

Do bị đơn không chấp hành các văn bản tố tụng, không gửi ý kiến phản hồi Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, không tham gia vào các buổi làm việc do Tòa án ấn định, tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nên Tòa án không thu thập được ý kiến của vợ chồng ông Nguyễn Cảnh Đ, bà Trần Thị L

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 122; Điều 290; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên buộc bị đơn trả số nợ gốc cho nguyên đơn là 40.000.000 đồng; bị đơn phải chịu án phí, nguyên đơn được trả lại án phí.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản xác lập năm 2014 (Âm lịch) và khoản nợ tiền phưởng năm 2016 đối với bị đơn Nguyễn Cảnh Đ, Trần Thị L cùng cư trú tại xóm Liên Giang, xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

Tòa án đã tiến hành Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn nhiều lần hợp lệ đến các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa nhưng bị đơn cố tình trốn tránh, không hợp tác và vắng mặt không có lý do chính đáng. Nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 11/12/2015, biên bản sự việc ngày 30/12/2015, báo cáo kết quả giải quyết đơn thư ngày 08/01/2016 và báo cáo kết quả xác minh đơn thư ngày 04/4/2016 của Công an xã Giang Sơn Đông; Biên bản lấy lời khai của Công an huyện Đô Lương đối với bà Trần Thị L và Giấy vay tiền lập ngày 22/2/2014 (Âm lịch); Biên bản nhận tiền phưởng ngày 19/2/2014 (Âm Lịch), Hội đồng xét xử thấy:

Vào ngày 22/2/2014 (Âm lịch), ông Nguyễn Cảnh Đ và bà Trần Thị L đã vay của ông Nguyễn Đại L, bà Phạm Thị T số tiền 40.000.000đồng, mục đích để mua xe ô tô, thời hạn vay là 03 tháng, có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi cụ

thể mức lãi suất là bao nhiêu. Do vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005 thì đây là giao dịch vay tài sản có thời hạn và có lãi, theo đó bên cho vay là ông Nguyễn Đại L, bà Phạm Thị T; bên vay là ông Nguyễn Cảnh Đ, bà Trần Thị L. Bên vay đã trả được 10.000.000 cho bên cho vay.

Ngày 19/2/2014 (Âm Lịch) 19/12/2014 vợ chồng ông Nguyễn Đại L – Phạm Thị T có đứng làm chủ phường cùng với 21 người, trong đó có vợ chồng ông Nguyễn Cảnh Đ, bà Trần Thị L. Mỗi suất phường đóng 2.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian kết thúc phường là ngày 19 tháng 11 năm 2016. Ông Đ, bà L là người được nhận suất phường đầu tiên là 32.250.000 đồng, có ký nhận đầy đủ. Sau khi nhận được tiền phường, hàng tháng ông Đ, bà L phải có nghĩa vụ đóng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho ông L, bà T – là chủ phường cho đến khi kết thúc đây phường. Tuy nhiên, ông Đ, bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ đóng đủ tiền phường cho ông L, bà T – chủ phường mà còn nợ lại 05 tháng x 2.000.000 đồng/tháng = 10.000.000 đồng. Khoản nợ 10.000.000 đồng là nợ riêng giữa vợ chồng ông Đ, bà L đối với ông L, bà T, không liên quan đến bất cứ ai trong đây phường, vì hàng tháng ông L, bà T – với tư cách chủ phường phải bỏ tiền ra thanh toán cho người bóc phường sau. Những người làm chứng đều vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của những người tham gia phường cùng với chị Trần Thị L, anh Nguyễn Cảnh Đ là chị Lê Thị T, chị Nguyễn Thị H, chị Đào Thị L, chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị H, tất cả những người làm chứng đều khẳng định ông L, bà T đứng ra làm chủ phường; ông, bà L có tham gia phường, đã bóc phường và có nợ của ông L, bà T 05 tháng tiền phường là 10.000.000 đồng là đúng sự thật. Bị đơn không hợp tác, không có ý kiến phản hồi tại Tòa án nhưng trong các biên bản làm việc với công an xã, công an huyện Đô Lương, bà Trần Thị L đều công nhận có nợ ông L, bà T 30.000.000 đồng tiền vay và một số tiền phường, nhưng do điều kiện kinh tế gặp khó khăn chưa trả được và xin khất ông L, bà T. Do bị đơn không hợp tác cung cấp các thông tin về khoản nợ cho Tòa án, tự tước bỏ các quyền lợi pháp lý và nghĩa vụ chứng minh của mình nhưng qua các tài liệu có tại hồ sơ, qua lời khai của những người làm chứng cùng tham gia đây phường, đủ cơ sở để xác định ông Đ, bà L có nợ ông L, bà T 10.000.000 đồng tiền phường, ngoài 30.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 40.000.000 đồng tiền gốc là có cơ sở. Việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất là hoàn toàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận và buộc bị đơn phải trả tổng số tiền gốc còn nợ là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) (Trong đó tiền vay là 30.000.000 đồng, tiền nợ phường 10.000.000 đồng); cho nguyên đơn.

[2]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Đ, bà L phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Đại L 1.325.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 122; Điều 290; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Khoản 1 Điều 147; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Cảnh Đ và bà Trần Thị L phải trả cho ông Nguyễn Đại L và bà Phạm Thị T tổng số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng); Không có lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng-ời đ-ợc thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho ng-ời đ-ợc thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 t-ong ứng với thời gian ch- a thi hành án.

Trong tr-ờng hợp bản án, quyết định đ-ợc thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

- Về án phí: Trả lại cho ông Nguyễn Đại L số tiền 1.325.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001755 ngày 23/11/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Ông Nguyễn Cảnh Đ và bà Trần Thị L phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn K**

